

Chi tiết mã HS 8504

Mã HS	8504
Mô tả hàng hóa	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm
Đơn vị	
Thời điểm tạo	01/11/2026 08:41:45
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/8504/

72 dòng thuế thuộc 8504

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8504.10.00	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Chấn lưu dùng cho đèn phóng hoặc ống phóng	chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.21.11	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định không quá 650 kVA: / - - - Máy ổn áp từng nấc (biến áp tự ngẫu); máy biến đổi đo lường (1) có công suất danh định không quá 5 kVA: / - - - - Máy biến đổi đo lường (1) loại công suất danh định không quá 1 kVA và đầu điện áp cao từ 110 kV trở lên (SEN)	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.21.19	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định không quá 650 kVA: / - - - Máy ổn áp từng nấc (biến áp tự ngẫu); máy biến đổi đo lường (1) có công suất danh định không quá 5 kVA: / - - - - Loại khác (SEN)	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.21.92	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định không quá 650 kVA: / - - - Loại khác: / - - - - Có công suất danh định trên 10 kVA và đầu điện áp cao từ 110 kV trở lên (SEN)	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.21.93	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định không quá 650 kVA: / - - - Loại khác: / - - - - Có công suất danh định trên 10 kVA và đầu điện áp cao từ 66 kV trở lên, nhưng dưới 110 kV (SEN)	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8504.21.99	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định không quá 650 kVA: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.22.11	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định trên 650 kVA nhưng không quá 10.000 kVA: / - - - Máy ổn áp từng nấc (biến áp tự ngẫu): / - - - - Đầu điện áp cao từ 66 kV trở lên (SEN)	chiếc	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.22.19	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định trên 650 kVA nhưng không quá 10.000 kVA: / - - - Máy ổn áp từng nấc (biến áp tự ngẫu): / - - - - Loại khác (SEN)	chiếc	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.22.92	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định trên 650 kVA nhưng không quá 10.000 kVA: / - - - Loại khác: / - - - - Đầu điện áp cao từ 110 kV trở lên (SEN)	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.22.93	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định trên 650 kVA nhưng không quá 10.000 kVA: / - - - Loại khác: / - - - - Đầu điện áp cao từ 66 kV trở lên, nhưng dưới 110 kV (SEN)	chiếc	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.22.99	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định trên 650 kVA nhưng không quá 10.000 kVA: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác	chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.23.10	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định trên 10.000 kVA: / - - - Có công suất danh định không quá 15.000 kVA	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.23.21	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định trên 10.000 kVA: / - - - Có công suất danh định trên 15.000 kVA: / - - - - Không quá 20.000 kVA	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.23.22	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định trên 10.000 kVA: / - - - Có công suất danh định trên 15.000 kVA: / - - - - Trên 20.000 kVA nhưng không quá 30.000 kVA	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.23.29	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định trên 10.000 kVA: / - - - Có công suất danh định trên 15.000 kVA: / - - - - Loại khác	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8504.31.11	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định không quá 1 kVA: / - - - Máy biến áp đo lường: / - - - - Điện áp từ 110 kV trở lên	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.31.12	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định không quá 1 kVA: / - - - Máy biến áp đo lường: / - - - - Điện áp từ 66 kV trở lên, nhưng dưới 110 kV	chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.31.13	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định không quá 1 kVA: / - - - Máy biến áp đo lường: / - - - - Điện áp từ 1 kV trở lên, nhưng dưới 66 kV	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.31.19	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định không quá 1 kVA: / - - - Máy biến áp đo lường: / - - - - Loại khác	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.31.21	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định không quá 1 kVA: / - - - Máy biến dòng đo lường: / - - - - Dùng cho đường dây có điện áp từ 110 kV trở lên: / - - - - - Máy biến dòng dạng vòng dùng cho đường dây có điện áp không quá 220 kV (SEN)	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.31.22	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định không quá 1 kVA: / - - - Máy biến dòng đo lường: / - - - - Dùng cho đường dây có điện áp từ 110 kV trở lên: / - - - - - Loại khác	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.31.23	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định không quá 1 kVA: / - - - Máy biến dòng đo lường: / - - - - Điện áp từ 66 kV trở lên, nhưng dưới 110 kV	chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.31.24	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định không quá 1 kVA: / - - - Máy biến dòng đo lường: / - - - - Điện áp từ 1 kV trở lên, nhưng dưới 66 kV	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.31.29	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định không quá 1 kVA: / - - - Máy biến dòng đo lường: / - - - - Loại khác	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.31.30	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định không quá 1 kVA: / - - - Máy biến áp quét vể (biến áp tần số quét ngược) (SEN)	chiếc	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8504.31.40	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định không quá 1 kVA: / - - - Máy biến điện trung tần	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.31.91	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định không quá 1 kVA: / - - - Loại khác: / - - - - Sử dụng cho đồ chơi, mô hình thu nhỏ hoặc các mô hình giải trí tương tự	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.31.92	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định không quá 1 kVA: / - - - Loại khác: / - - - - Biến áp thích ứng khác (SEN)	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.31.93	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định không quá 1 kVA: / - - - Loại khác: / - - - - Máy biến áp tăng/giảm từng nấc (Step up/down transformers); máy điều chỉnh điện áp trượt (slide regulators) (SEN)	chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.31.99	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định không quá 1 kVA: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác	chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.32.11	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Công suất danh định trên 1 kVA nhưng không quá 16 kVA: / - - - Máy biến đổi đo lường(1) (biến áp và biến dòng) loại công suất danh định không quá 5 kVA: / - - - - Biến áp thích ứng (SEN)	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.32.19	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Công suất danh định trên 1 kVA nhưng không quá 16 kVA: / - - - Máy biến đổi đo lường(1) (biến áp và biến dòng) loại công suất danh định không quá 5 kVA: / - - - - Loại khác	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.32.20	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Công suất danh định trên 1 kVA nhưng không quá 16 kVA: / - - - Loại khác, sử dụng cho đồ chơi, mô hình thu nhỏ hoặc các mô hình giải trí tương tự	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.32.30	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Công suất danh định trên 1 kVA nhưng không quá 16 kVA: / - - - Loại khác, tần số tối thiểu 3 MHz	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.32.41	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Công suất danh định trên 1 kVA nhưng không quá 16 kVA: / - - - Loại khác, có công suất danh định không quá 10 kVA: / - - - - Biến áp thích ứng (SEN)	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8504.32.49	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Công suất danh định trên 1 kVA nhưng không quá 16 kVA: / - - - Loại khác, có công suất danh định không quá 10 kVA: / - - - - Loại khác	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.32.51	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Công suất danh định trên 1 kVA nhưng không quá 16 kVA: / - - - Loại khác, có công suất danh định trên 10 kVA: / - - - - Biến áp thích ứng (SEN)	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.32.59	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Công suất danh định trên 1 kVA nhưng không quá 16 kVA: / - - - Loại khác, có công suất danh định trên 10 kVA: / - - - - Loại khác	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.33.11	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định trên 16 kVA nhưng không quá 500 kVA: / - - - Có đầu điện áp cao từ 66 kV trở lên: / - - - - Biến áp thích ứng (SEN)	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.33.19	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định trên 16 kVA nhưng không quá 500 kVA: / - - - Có đầu điện áp cao từ 66 kV trở lên: / - - - - Loại khác (SEN)	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.33.91	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định trên 16 kVA nhưng không quá 500 kVA: / - - - Loại khác: / - - - - Biến áp thích ứng (SEN)	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.33.99	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định trên 16 kVA nhưng không quá 500 kVA: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.34.11	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định trên 500 kVA: / - - - Có công suất danh định không quá 15.000 kVA: / - - - - Có công suất danh định trên 10.000 kVA và đầu điện áp cao từ 66 kV trở lên: / - - - - - Biến áp thích ứng (SEN)	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.34.12	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định trên 500 kVA: / - - - Có công suất danh định không quá 15.000 kVA: / - - - - Có công suất danh định trên 10.000 kVA và đầu điện áp cao từ 66 kV trở lên: / - - - - - Máy biến áp loại khô phòng nổ (SEN)	chiếc	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.34.13	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định trên 500 kVA: / - - - Có công suất danh định không quá 15.000 kVA: / - - - - Có công suất danh định trên 10.000 kVA và đầu điện áp cao từ 66 kV trở lên: / - - - - - Loại khác (SEN)	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8504.34.14	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định trên 500 kVA: / - - - Có công suất danh định không quá 15.000 kVA: / - - - - Loại khác: / - - - - - Biến áp thích ứng (SEN)	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.34.15	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định trên 500 kVA: / - - - Có công suất danh định không quá 15.000 kVA: / - - - - Loại khác: / - - - - - Máy biến áp loại khô phòng nổ	chiếc	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.34.19	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định trên 500 kVA: / - - - Có công suất danh định không quá 15.000 kVA: / - - - - Loại khác: / - - - - - Loại khác	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.34.22	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định trên 500 kVA: / - - - Có công suất danh định trên 15.000 kVA: / - - - - Có đầu điện áp cao từ 66 kV trở lên: / - - - - - Biến áp thích ứng (SEN)	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.34.23	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định trên 500 kVA: / - - - Có công suất danh định trên 15.000 kVA: / - - - - Có đầu điện áp cao từ 66 kV trở lên: / - - - - - Máy biến áp loại khô phòng nổ (SEN)	chiếc	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.34.24	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định trên 500 kVA: / - - - Có công suất danh định trên 15.000 kVA: / - - - - Có đầu điện áp cao từ 66 kV trở lên: / - - - - - Loại khác (SEN)	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.34.25	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định trên 500 kVA: / - - - Có công suất danh định trên 15.000 kVA: / - - - - Loại khác: / - - - - - Biến áp thích ứng (SEN)	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.34.26	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định trên 500 kVA: / - - - Có công suất danh định trên 15.000 kVA: / - - - - Loại khác: / - - - - - Máy biến áp loại khô phòng nổ	chiếc	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.34.29	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện khác: / - - Có công suất danh định trên 500 kVA: / - - - Có công suất danh định trên 15.000 kVA: / - - - - Loại khác: / - - - - - Loại khác	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.40.11	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến đổi tĩnh điện: / - - Dùng cho các máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng, và thiết bị viễn thông: / - - - Bộ nguồn cấp điện liên tục (UPS) (SEN)	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8504.40.19	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến đổi tĩnh điện: / - - Dùng cho các máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng, và thiết bị viễn thông: / - - - Loại khác	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.40.20	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến đổi tĩnh điện: / - - Máy nạp ắc qui, pin có công suất danh định trên 100 kVA	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.40.30	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến đổi tĩnh điện: / - - Bộ chỉnh lưu khác	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.40.40	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến đổi tĩnh điện: / - - Bộ nghịch lưu	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.40.90	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến đổi tĩnh điện: / - - Loại khác	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.50.10	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Cuộn cảm khác: / - - Cuộn cảm dùng cho bộ nguồn cấp điện của các thiết bị xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng, và thiết bị viễn thông	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.50.20	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Cuộn cảm khác: / - - Cuộn cảm cố định kiểu con chip (SEN)	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.50.93	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Cuộn cảm khác: / - - Loại khác: / - - - Có công suất danh định không quá 2.500 kVA	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.50.94	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Cuộn cảm khác: / - - Loại khác: / - - - Có công suất danh định trên 2.500 kVA nhưng không quá 10.000 kVA	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.50.95	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Cuộn cảm khác: / - - Loại khác: / - - - Có công suất danh định trên 10.000 kVA	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8504.90.10	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Bộ phận: / - - Cửa hàng hóa thuộc phân nhóm 8504.10	kg/chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.90.20	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Bộ phận: / - - Mạch in đã lắp ráp dùng cho hàng hóa thuộc phân nhóm 8504.40.11, 8504.40.19 hoặc 8504.50.10	kg/chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.90.31	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Bộ phận: / - - Dùng cho máy biến điện có công suất không quá 10.000 kVA: / - - Tấm, cụm tấm tản nhiệt; ống tản nhiệt đã lắp ráp thành dạng tấm phẳng, cụm tấm dùng cho biến áp phân phối và biến áp nguồn	kg/chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.90.39	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Bộ phận: / - - Dùng cho máy biến điện có công suất không quá 10.000 kVA: / - - - Loại khác	kg/chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.90.41	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Bộ phận: / - - Dùng cho máy biến điện có công suất trên 10.000 kVA: / - - Tấm, cụm tấm tản nhiệt; ống tản nhiệt đã lắp ráp thành dạng tấm phẳng, cụm tấm dùng cho biến áp phân phối và biến áp nguồn	kg/chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.90.49	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Bộ phận: / - - Dùng cho máy biến điện có công suất trên 10.000 kVA: / - - - Loại khác	kg/chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8504.90.90	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Bộ phận: / - - Loại khác	kg/chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.